TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2025/DSST
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thu Huệ;
2. Bà Trương Thị Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung – là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài Chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: Tầng 19, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 – Số 15 đường X , phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T.V.K, sinh năm 1998 (Có đơn xin xét xử vắng mặt) và bà N.H.N.P, sinh năm 2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ liên lạc: Số 360 V.N.G, phường N, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là L, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Bà T.T.T.N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 162 B.V.B, Tổ B, Khu phố H, phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2024, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông T.V.K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/6/2023, Công ty Tài Chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam (viết tắt là nguyên đơn) và bà T.T.T.N (viết tắt là bị đơn) có ký kết Hợp đồng cho vay số 101438361, với nội dung chính như sau:

Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng; Lãi suất vay: Cố định 25%/năm; Kỳ hạn vay: 48 kỳ; Phương thức thanh toán: Thanh toán nợ gốc và lãi theo hình thức trả góp vào ngày 16 dương lịch hàng tháng, 47 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền là 4.930.325 đồng, kì cuối cùng (kỳ 48) trả số tiền 4.930.313 đồng; Loại hình vay: Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo); Mục đích vay: Chi phí sửa chữa nhà ở, phục vụ đời sống. Bị đơn đồng ý với bản điều khoản cơ bản cho vay của nguyên đơn.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay tổng số tiền 150.000.000 đồng và đã giải ngân số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bị đơn chỉ định với thông tin tài khoản như sau: Tên chủ tài khoản: T.T.T.N; số tài khoản: 25693947 tại Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)-Chi nhánh Hồ Chí Minh và bị đơn đã nhận đủ số tiền.

Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 19.721.300 đồng, từ tháng 11/2023 đến nay, bị đơn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo điểm f Khoản 7.2 Điều 7 của Bản Điều khoản cơ bản đính kèm Hợp đồng cho vay số 101438361.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bị đơn xử lý khoản vay quá hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện đầy đủ cam kết thanh toán khoản vay trong hợp đồng. Việc bị đơn không hoàn trả đầy đủ số tiền vay làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp và quá trình hoạt động kinh doanh của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 9 của Bản điều khoản cơ bản, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số dư nợ cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 15/9/2025 là 218.489.654 đồng. Trong đó, nợ gốc là 141.053.574 đồng; lãi trong hạn là 53.690.402 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn là 5.522.254 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn là 18.223.423 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/9/2025 bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi trong hạn theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/6/2023, lãi quá hạn trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam có ông T.V.K và bà N.H.N.P là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn bà T.T.T.N, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn là số 162 B.V.B, Tổ H, Khu phố J, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong Hợp đồng cho vay và các văn bản khác với Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam đều thể hiện bị đơn có địa chỉ là số 162 B.V.B, Tổ H, Khu phố P, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 192/2025/QĐ-CCTLCC ngày 01/4/2025 của Tòa án thì bà T.T.T.N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 162 B.V.B, Tổ X, Khu phố Y, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cư ngụ tại địa chỉ nêu trên.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới tSheo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b

Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn cư trú tại phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa Án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Đối với bị đơn bà T.T.T.N là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.5] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T.V.K và bà N.H.N.P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.6] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

[2] Để chứng minh cho yêu cầu của mình ngoài một số tài liệu là bản sao đã được chứng thực, đối chiếu bản chính, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án bản sao các tài liệu có liên quan nhưng không có bản chính để đối chiếu, sao y. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự biết nhưng không có đương sự nào yêu cầu Tòa án cho xem và không có đương sự nào phản đối các tài liệu này. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều thừa nhận nội dung vụ việc đúng như diễn tiến nêu tại phần trên. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Tòa án sẽ sử dụng các tài liệu này làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến

phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà T.T.T.N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ tín dụng theo Hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/6/2023 tạm tính đến ngày 15/9/2025 là 218.489.654 đồng. Trong đó, nợ gốc là 141.053.574 đồng; lãi trong hạn là 53.690.402 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn là 5.522.254 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn là 18.223.423 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 16/9/2025 bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi trong hạn theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/6/2023, lãi quá hạn trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi trong hạn:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/06/2023, lịch trả nợ, cam kết nhận khoản vay, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay, chứng từ giải ngân và các văn bản tín dụng khác được nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận và ký kết. Các văn bản này được hai bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng và các văn bản tín dụng này có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, nguyên đơn và bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân đủ số tiền vay 150.000.000 đồng theo đúng số tiền và đúng thời gian như đã thỏa thuận. Bị đơn đã nhận đủ số tiền nhưng chỉ thanh toán được 04 kỳ đầu với số tiền là 19.721.300 (trong đó thanh toán số tiền nợ gốc là 8.946.426 đồng và thanh toán số tiền nợ lãi là 10.774.874 đồng). Từ kỳ thanh toán của tháng 11/2023 (sau ngày 16/10/2023), bị đơn không thanh toán bất kì khoản tiền nợ gốc, lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên bị đơn là bên có lỗi. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 141.053.574 đồng và số tiền nợ lãi trong hạn từ ngày 17/10/2025 tính đến ngày 15/9/2025 là 53.690.402 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi quá hạn và tiền lãi do chậm trả lãi trong hạn:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/06/2023, lịch trả nợ, Bảng kê tính lãi, Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay và các văn bản tín dụng khác, các bên thỏa thuận lãi suất cố định là 25%/năm. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền vay theo phương thức trả nợ gốc và lãi vào ngày 16 dương lịch hàng tháng. Sau ngày 16/10/2023, bị đơn thanh toán không đúng theo thỏa thuận.

Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đây là mức lãi suất theo thỏa thuận và không trái quy định của pháp luật nên có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của bên vay. Thời hạn tính lãi chậm trả lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định pháp luật theo thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng tín dụng tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 15/9/2025 là 23.745.677 đồng, trong đó: số tiền nợ lãi quá hạn là 18.223.423 đồng và số tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 5.522.254 đồng, là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/9/2025 bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi trong hạn theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/6/2023, lãi quá hạn trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 68; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1, Khoản 2 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành

chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa Án;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam:

1.1. Buộc bà T.T.T.N phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành cho Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2025 theo Hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/06/2023 là 218.489.654 (Hai trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó:

- Số tiền nợ gốc là: 141.053.574 (Một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi bốn) đồng;

- Số tiền nợ lãi trong hạn là 53.690.402 (Năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm lẻ hai) đồng;

- Số tiền nợ lãi quá hạn là 23.745.677 (Hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi bảy) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong nợ gốc, bà T.T.T.N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chịu lãi trong hạn theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng cho vay số 101438361 ngày 30/6/2023, lãi quá hạn trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và chịu lãi chậm trả lãi đối với số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ lãi trong hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.924.483 (Mười triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.H Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.411.914 (Bốn triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/24P, số 0056154 ngày 28/03/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Tp HCM;
- THADS Tp HCM;
- VKSND KV6, Tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Nhung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Luyến